ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HOA-2-20 (NLTC-TT52.N01)

Học kỳ 2 Năm học 2020_2021

Môn: Công nghệ sản xuất hoa (FTP321) - 2
Số tín chỉ: 2

Công thức điểm: CC*0.2 +KT*0.3+ THI*0.5

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày Sinh	Lớp	Lần họ	CC	KT	THI	TKHP	Điểm hệ ...	Ghi chú
1	DBADTT20032	Mùa A	Bẩy	24/08/1994	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
2	DBATTT20043	Giàng Thị	Chá	25/03/1993	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
3	DBATTT20028	Vàng A	Chá	25/03/1990	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	9.0	8.2	B	
4	DBATTT21001	Lò Văn	Chiến	08/07/1969	NLTC-TT52	1.0	8.0	8.0	9.0	8.5	A	
5	DBACTT20007	Quàng Văn	Công	06/05/1994	NLTC-TT52	1.0	7.0	7.0	8.0	7.5	B	
6	DBADTT20013	Lò Văn	Cươi	26/10/1990	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
7	DBATTT20031	Lò Văn	Dung	10/09/1984	NLTC-TT52	1.0	8.0	6.0	9.0	7.9	B	
8	DBACTT20040	Nùng Thị Thu	Hà	02/07/1988	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
9	DBACTT20009	Lò Văn	Hơn	15/03/1982	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	7.0	7.2	B	
10	DBADTT20012	Tẩn A	Kẹo	18/04/2002	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
11	DBATTT20042	Cà Thị	Lả	19/09/1991	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	9.0	8.2	B	
12	DBATTT20032	Phàn A	Nhủy	12/12/1982	NLTC-TT52	1.0	8.0	6.0	9.0	7.9	B	
13	DBATTT20041	Quàng Văn	Thiên	20/10/1975	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	7.0	7.2	B	
14	DBATTT20033	Lò Văn	Thim	15/05/1991	NLTC-TT52	1.0	7.0	7.0	7.0	7.0	B	
15	DBADTT20011	Lò Văn	Thư	21/07/1991	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	9.0	8.2	B	
16	DBATTT20030	Vừ A	Tủa	10/10/1992	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	9.0	8.2	B	
17	DBADTT20016	Cà Văn	Tươi	05/10/1980	NLTC-TT52	1.0	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
18	DBABTT21001	Hoàng Thị	Vui	08/11/1978	NLTC-TT52	1.0	7.0	7.0	9.0	8.0	B	

Tổng điểm:
Tổng điểm bằng chữ:
Số sinh viên đạt:
Số sinh viên không đạt:

GIÁO VỤ KHOA

BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN LỚP HỌC PHẦN

Đặng Thị Tố Nga